

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **01/2014/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2014

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... <i>5</i> ...
	Ngày: ... <i>6/1/</i> ...

NGHỊ ĐỊNH
Về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần
của tổ chức tín dụng Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định điều kiện, thủ tục mua cổ phần, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng cổ phần và tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thành tổ chức tín dụng cổ phần (gọi tắt là tổ chức tín dụng Việt Nam).
2. Nhà đầu tư nước ngoài.
3. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng cổ phần là tổ chức tín dụng được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, bao gồm: Ngân hàng thương mại cổ phần, công ty tài chính cổ phần, công ty cho thuê tài chính cổ phần.

2. Tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thành tổ chức tín dụng cổ phần là tổ chức tín dụng đang thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý từ tổ chức tín dụng hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn thành tổ chức tín dụng hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

3. Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm tổ chức nước ngoài và cá nhân nước ngoài.

4. Tổ chức nước ngoài bao gồm:

a) Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và chi nhánh của các tổ chức này tại nước ngoài và tại Việt Nam.

b) Tổ chức, quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động ở Việt Nam có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%.

5. Cá nhân nước ngoài là người không mang quốc tịch Việt Nam.

6. Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là tổ chức nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc gắn bó lợi ích lâu dài với tổ chức tín dụng Việt Nam và hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam chuyển giao công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực tài chính, quản trị, điều hành.

7. Sở hữu cổ phần bao gồm sở hữu trực tiếp và sở hữu gián tiếp.

Điều 4. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch mua, bán cổ phần

Đồng tiền sử dụng trong giao dịch mua, bán cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng Việt Nam là Đồng Việt Nam.

Điều 5. Tham gia quản trị tại tổ chức tín dụng Việt Nam

1. Việc tham gia, cử người đại diện phần vốn góp tham gia Hội đồng quản trị tại một tổ chức tín dụng Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật liên quan.

2. Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được tham gia, cử người đại diện phần vốn góp tham gia Hội đồng quản trị tại một tổ chức tín dụng Việt Nam, trừ các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài tham gia, cử người đại diện phần vốn góp tham gia Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác là công ty con của tổ chức tín dụng Việt Nam mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia, cử người đại diện phần vốn góp tham gia Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng Việt Nam đó.

b) Nhà đầu tư nước ngoài tham gia, cử người đại diện phần vốn góp tham gia Hội đồng quản trị tại tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém để cơ cấu lại theo phương án được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 HÌNH THỨC, TỶ LỆ, THỦ TỤC MUA CỔ PHẦN

Điều 6. Hình thức mua cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của cổ đông của tổ chức tín dụng cổ phần.
2. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong trường hợp tổ chức tín dụng cổ phần bán cổ phần để tăng vốn điều lệ hoặc bán cổ phiếu quỹ.
3. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thành tổ chức tín dụng cổ phần.

Điều 7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.
3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
5. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.
6. Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định tại các Khoản 2, 3, 5 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.
7. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

8. Nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng Việt Nam sang cổ phiếu phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần, điều kiện sở hữu cổ phần theo quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hồ sơ nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam

1. Trường hợp mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu cổ phần từ 10% vốn điều lệ trở lên; mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của một tổ chức tín dụng Việt Nam:

a) Tổ chức tín dụng Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng chưa niêm yết cổ phiếu) hoặc tổ chức nước ngoài (đối với tổ chức tín dụng đã niêm yết cổ phiếu) lập hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện, qua mạng điện tử đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận trước khi thực hiện giao dịch.

b) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ vào các điều kiện quy định tại các Điều 9, 10 của Nghị định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của tổ chức nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải nêu rõ lý do.

2. Trường hợp mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên và mua thêm cổ phần khi tổ chức nước ngoài đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật các tổ chức tín dụng.

3. Các trường hợp mua cổ phần khác, trừ các trường hợp quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này:

a) Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam chưa niêm yết cổ phiếu lập hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến tổ chức tín dụng Việt Nam quyết định để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Tổ chức tín dụng Việt Nam quy định cụ thể hồ sơ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tổ chức tín dụng Việt Nam phải trả lời nhà đầu tư nước ngoài bằng văn bản. Trường hợp không chấp thuận, tổ chức tín dụng Việt Nam phải nêu rõ lý do.

b) Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng cổ phần đã niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và phải tuân thủ quy định tại Điều 7 Nghị định này.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể trình tự, thủ tục, hồ sơ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này.